

Bản án số: 55/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 19-5-2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Nga**

Ông Nguyễn Đức Vinh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Đinh Thị Kim Thao** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lào Cai tham gia phiên tòa: **Bà Hà Minh Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lào Cai. Xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 58/2026/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2026/QĐST – DS ngày 28 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lò Thị H. Số CCCD: 012099003095

- *Bị đơn*: Anh Trương Văn T. Số CMND: 061163755

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã P, tỉnh Lào Cai.

(Nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26-02-2026 và Bản tự khai ngày 16-3-2026, nguyên đơn là chị Lò Thị H trình bày:

Chị và anh Trương Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Yên Bái (Nay là xã P, tỉnh Lào Cai) vào ngày 16-5-2022. Sau khi kết hôn hai người chung sống không có hạnh phúc do anh Trương Văn T thường xuyên chơi bời cờ bạc, rượu chè dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả nên hai người đã sống ly thân từ năm 2024 không còn quan tâm đến nhau. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Trương Văn T.

Về con chung, hai người có 01 con chung là cháu Trương Bình M, sinh ngày 04-7-2022. Chị Lò Thị H có đề nghị được nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu anh Trương Văn T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 27-02-2026, ông Nguyễn Văn L đại diện thôn B T, xã P cung cấp nội dung: Anh Trương Văn T cư trú tại thôn B T, xã P, tỉnh Lào Cai. Hiện nay anh Trương Văn T đi làm ăn ở nơi khác nhưng vẫn thường xuyên về địa phương. Vì vậy không thể tổng đạt trực tiếp giấy tờ cho anh Trương Văn T. Anh Trương Văn T và chị Lò Thị H có 01 con chung là cháu Trương Bình M, hiện nay cháu đang sống cùng chị Lò Thị H tại thôn B T, xã P.

Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lào Cai đã triệu tập nhiều lần nhưng anh Trương Văn T không có mặt, vì vậy không có lời khai.

Toà án nhân dân khu vực 2-Lào Cai đã nhiều lần mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Trong quá trình tiếp cận công khai chứng cứ, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và đề nghị được nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không thể hòa giải được.

Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lào Cai mở phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 28-4-2026 nhưng phiên tòa hoãn do bị đơn vắng mặt. Ngày 07-5-2026, nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt.

Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt nên không có ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của tố tụng dân sự. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng, đủ người tham gia tố tụng. Nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại phiên tòa nên Tòa án căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

Về nội dung, căn cứ trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp và nội dung xác minh tại cơ sở thấy rằng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn và tranh chấp nuôi con chung là có căn cứ do hiện nay tình trạng vợ chồng giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Việc nguyên đơn đề nghị được nuôi con chung là phù hợp với thực tế hiện nay cháu Trương Bình M đang sinh sống ổn định với mẹ. Mặt khác, anh Trương Văn T không có mặt tại địa phương, nên điều kiện nuôi con không đảm bảo. Vì vậy căn cứ vào quy định tại các Điều 51, Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho nguyên

đơn ly hôn với bị đơn và giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng. Do nguyên đơn không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, nên bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí và quyền kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. T1 buộc chị Lò Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại xã P, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lào Cai.

[1.2] Nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại phiên tòa nên Tòa án căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và Giấy chứng nhận kết hôn do xã P, huyện L, tỉnh Yên Bái (Nay là xã P, tỉnh Lào Cai) cung cấp, thể hiện hai người có đăng ký kết hôn, việc kết hôn giữa hai người phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nên quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị H và anh Trương Văn T là hợp pháp.

Theo lời khai của nguyên đơn, giữa hai người đã xảy ra mâu thuẫn dẫn đến ly thân. Lời khai của nguyên đơn phù hợp với nội dung xác minh tại cơ sở thể hiện bị đơn hiện nay đi làm ăn ở nơi khác, không cùng chung sống với nguyên đơn, thỉnh thoảng mới về địa phương.

Tòa án đã triệu tập nhiều lần, nhưng bị đơn không đến để tham gia hòa giải. Thể hiện bị đơn không có ý thức gìn giữ quan hệ gia đình, không quan tâm đến việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa hai người.

Với các nội dung trên, thể hiện các đương sự đã không còn muốn duy trì quan hệ hôn nhân. Vì vậy, có cơ sở để xác định mục đích của hôn nhân giữa hai người không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Cần căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho chị Lò Thị H được ly hôn với anh Trương Văn T.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và giấy khai sinh; nội dung xác minh tại cơ sở thể hiện: Giữa hai người có 01 con chung là cháu

Trương Bình M, sinh ngày 04-7-2022. Hiện nay cháu đang được chị Lò Thị H nuôi dưỡng, giáo dục.

Nguyên đơn có đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Ý kiến của nguyên đơn phù hợp với thực tế hiện nay cháu Trương Bình M đang được chị Lò Thị H chăm sóc, giáo dục; anh Trương Văn T thường xuyên không có mặt tại địa phương nên việc nuôi con không đảm bảo. Vì vậy cần căn cứ vào quy định tại các Điều 81; 82; 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Giao cho chị Lò Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Bình M. Do nguyên đơn không yêu cầu, nên bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, Toà án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lò Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lào Cai về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Lò Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị H được ly hôn với anh Trương Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Bình M, sinh ngày 04-7-2022 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Trương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trương Văn T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Lò Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: 0000598 ngày 26-02-2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Chị Lò Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 2 - Lào Cai;
- Các đương sự, Niêm yết,
- THA Dân sự khu vực 2 - Lào Cai;
- UBND xã P;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Dũng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nga

Nguyễn Đức Vinh

Vũ Dũng